

Số: ~~24~~10A/BVĐT-TCCB

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 12 năm 2018

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Đồng Tháp

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 0746/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế Đồng Tháp cấp ngày 12/7/2016.

Địa chỉ: số 144, Mai Văn Khái, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS. BS. Nguyễn Văn Hai

Điện thoại liên hệ: 02773.851.130. Email: khth.bvdkdt@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)
2. Trình độ đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)
3. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2).
4. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 3)
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh mỗi khoa phòng: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 3)
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 4).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC [~]

TS. Nguyễn Văn Hai



PHỤ LỤC 1
CÁC NGÀNH/TRÌNH ĐỘ THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Kèm theo Bản Công bố số: 270/BVĐT-TCCB ngày 04/12/2018 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp)

STT	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành đào tạo	Ghi chú
1	Trung cấp (Thông tư 04/2017/TT-BLĐTBXH)	Y sĩ y học cổ truyền	5720201	
2		Điều dưỡng y học cổ truyền	5720202	
3		Y sĩ	5720302	
4		Y sĩ Y học dự phòng	5720303	
5		Kỹ thuật hình ảnh y học	5720305	
6		Kỹ thuật xét nghiệm y tế	5720306	
7		Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	5720307	
8		Dược sỹ trung cấp	5720401	
9		Điều dưỡng	5720501	
10		Hộ sinh	5720502	
11		Kỹ thuật phục hình răng	5720601	
12	Cao đẳng (Thông tư 04/2017/TT-BLĐTBXH)	Y sĩ đa khoa	6720302	
13		Kỹ thuật hình ảnh y học	6720305	
14		Kỹ thuật xét nghiệm y tế	6720306	
15		Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	6720307	
16		Dược sỹ cao đẳng	6720401	
17		Điều dưỡng	6720501	
18		Hộ sinh	6720502	
19		Kỹ thuật phục hình răng	6720601	
20	Đại học (Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT)	Y khoa	7720101	
21		Y học dự phòng	7720110	
22		Y học cổ truyền	7720115	
23		Dược học	7720201	
24		Điều dưỡng	7720301	
25		Hộ sinh	7720302	
26		Dinh dưỡng	7720401	
27		Răng - Hàm - Mặt	7720501	
28		Kỹ thuật phục hình răng	7720502	
29		Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	
30		Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	
31		Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	
32		Y tế công cộng	7720701	

STT	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành đào tạo	Ghi chú
33		Tổ chức và quản lý y tế	7720801	
34		Quản lý bệnh viện	7720802	
35	Sau đại học (Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT)			
		Gây mê hồi sức	8720102	
36		Hồi sức cấp cứu và chống độc	8720103	
37		Ngoại khoa	8720104	
38		Sản phụ khoa	8720105	
39		Nhi khoa	8720106	
40		Nội khoa	8720107	
41		Ung thư	8720108	
42		Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	8720109	
43		Tai - Mũi - Họng	8720155	
44		Mắt (Nhãn khoa)	8720157	
45		Khoa học thần kinh	8720158	
46		Dược lý và dược lâm sàng	8720205	
47		Tổ chức quản lý dược	8720412	
48		Điều dưỡng	8720301	
49		Hộ sinh	8720302	
50		Dinh dưỡng	8720401	
51		Răng - Hàm - Mặt	8720501	
52		Kỹ thuật xét nghiệm y học	8720601	
53		Kỹ thuật hình ảnh y học	8720602	
54		Kỹ thuật phục hồi chức năng	8720603	
55		Y tế công cộng	8720701	
56		Quản lý y tế	8720801	
57		Quản lý bệnh viện	8720802	
58		Y học gia đình	8729001	
Tổng cộng: 58				

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Kèm theo Ban Công bố số 11/ĐH-BVĐT-TCCB ngày 04/12/2018 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp)

ST T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (tháng)	Ghi chú
		Nam	Nữ							
1	Lê Văn Bé Ba	20/2/1964		Bác sĩ CK II	Ngoại TQ	0003242/DT-CCHN	25/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa	60	
2	Phan Văn Bé Bảy	21/5/1967		Thạc sĩ Bác sĩ	Ví Sinh	0001332/DT-CCHN	08/02/2014	Chuyên khoa Xét nghiệm (Vi sinh)	60	
3	Nguyễn Chân	14/1/1983		Bác sĩ CK I	Nội khoa	0001546/DT-CCHN	27/12/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội.	24	
4	Huỳnh Phú Chao	1984		Bác sĩ CK I	Tai Mũi Họng	1568/DT-CCHN	19/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	60	
5	Võ Hữu Chí	20/8/1960		Bác sĩ CK II	Ngoại Tiết niệu	0431/DT-CCHN	29/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	84	
6	Hồ Huy Cường	1976		Bác sĩ CK II	Chấn thương chỉnh hình	1488/DT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Chấn thương chỉnh hình	60	
7	Lê Thị Diễm		25/2/1982	Bác sĩ CK I	Chẩn đoán Hình ảnh	1070/DT-CCHN	19/11/2013	Chuyên khoa Chẩn đoán Hình ảnh	72	
8	Nguyễn Duy Đông	25/10/1978		Bác sĩ CK I	Ngoại TQ	1754/DT-CCHN	14/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	60	
9	Huỳnh Anh Đức	1985		Bác sĩ CK I	Nội khoa	1485/DT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	60	
10	Châu Minh Đức	12/2/1968		Bác sĩ CK II	Nội TQ	000278/DT-CCHN	11/07/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp	84	
11	Đình Minh Đức	1970		Bác sĩ CK II	Lão khoa	1491/DT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	60	
12	Nguyễn Phát Dũng	17/11/1965		Bác sĩ CK I	Nội khoa	1306/DT-CCHN	24/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	60	
13	Nguyễn Trí Dũng	9/8/1967		Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện	Quản lý Bệnh viện	0003041/DT-CCHN	17/07/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	60	
14	Nguyễn Thị Hạnh Dung		19/4/1988	Bác sĩ CK I	Sản phụ khoa	004721/DT-CCHN	28/04/2016	Khám bệnh, chữa bệnh Sản - Phụ khoa	36	
15	Nguyễn Hồng Được	10/6/1986		Bác sĩ CK I	Nhi khoa	1564/DT-CCHN	19/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	60	
16	Lương Minh Đường	25/5/1982		Bác sĩ CK I	Lao và Bệnh phổi	0003891/DT-CCHN	30/12/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	60	

ST T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (tháng)	Ghi chú
		Nam	Nữ							
17	Thái Châu Minh Duy	2/10/1978		Bác sĩ CK I	Nội tiết	1526/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết	60	
18	Nguyễn Anh Duy	1984		Bác sĩ CK I	Ngoại lồng ngực	0004202/ĐT-CCHN	27/07/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại lồng ngực	48	
19	Võ Thị Hoàng Dung Em		20/4/1987	Bác sĩ CK I	BSCKI Nội tiết	1516/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	60	
20	Nguyễn Văn Giáp	12/12/1961		Bác sĩ CK I	Sản	000273/ĐT-CCHN	11/07/2012	Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình	84	
21	Trần Thanh Giang	1980		Bác sĩ CK I	Lão khoa	3772/ĐT-CCHN	10/11/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	60	
22	Trần Châu Giang		7/5/1985	Bác sĩ CK I	Nhi khoa	3898/ĐT-CCHN	30/12/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	60	
23	Nguyễn Thị Thúy Hà		11/3/1981	Bác sĩ CK I	Nhãn khoa	000094/ĐT-CCHN	10/05/2012	Khám Mắt	84	
24	Đặng Thị Ngọc Hà		1965	Bác sĩ CK II	Sản	237/ĐT-CCHN	28/06/2012	Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình	84	
25	Phạm Thị Thủy Hằng		3/7/1978	Dược sĩ CK I	Dược	467/ĐT-CCHND	26/03/2014	Cơ sở SX thuốc; bán buôn thuốc; bán lẻ thuốc, DN XNK thuốc; DN làm DV bảo quản thuốc; DN làm DV kiểm nghiệm thuốc	60	
26	Phạm Thị Mỹ Hằng		30/12/1973	Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện	Quản lý Bệnh viện	0003006/ĐT-CCHN	17/07/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	60	
27	Nguyễn Cẩm Hằng		20/10/1967	CK I Y tế công cộng	Y tế Công cộng	0003099/ĐT-CCHN	17/07/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	60	
28	Thái Thanh Hào	5/2/1985		Bác sĩ CK I	Lão khoa	1527/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa lão khoa	60	
29	Nguyễn Thanh Hào	13/7/1979		Bác sĩ CK I	Ngoại TQ	1577/ĐT-CCHN	19/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	60	
30	Trần Việt Hào	1982		Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện	Quản lý Bệnh viện				36	Từ ngày TN Thạc sĩ
31	Nguyễn Thị Minh Hiền		8/2/1972	Bác sĩ CK II	Nội - Tiêu hóa	0004483/ĐT-CCHN	31/12/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng quát hoặc khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nội tiêu hóa	48	

ST T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (tháng)	Ghi chú
		Nam	Nữ							
32	Phan Mỹ Hiền		10/3/1975	Bác sĩ CK I	Sản phụ khoa	0004484/DT-CCHN	31/12/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình	48	
33	Võ Thị Thanh Hiền		25/9/1976	Bác sĩ CK I	Da liễu	1521/DT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh Da liễu	60	
34	Nguyễn Minh Hiền		13/3/1966	Bác sĩ CK I	Răng hàm mặt	000246/DT-CCHN	28/06/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	84	
35	Đặng Thị Hoàng Hiệp		23/8/1983	Bác sĩ CK I	Răng hàm mặt	000097/DT-CCHN	10/05/2012	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	84	
36	Lê Thị Kim Hoàng		21/8/1985	Bác sĩ CK I	Tai Mũi Họng	1480/DT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	60	
37	Đặng Văn Hoàng		27/9/1969	Bác sĩ CK II	Chẩn đoán hình ảnh (X Quang)	970/QĐ-SYT	16/11/2015	Bổ sung phạm vi Chẩn đoán hình ảnh	48	
38	Hồ Trí Hùng		12/6/1964	Bác sĩ CK II	Ngoại TK	000259/DT-CCHN	11/07/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại - Thần kinh và sọ não	84	
39	Nguyễn Hoàng Hùng		25/3/1963	Bác sĩ CK II	Nội TM	000164/DT-CCHN	19/06/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	84	
40	Nguyễn Phước Hưng		2/10/1969	Bác sĩ CK II	Nhi - Hô hấp	1578/DT-CCHN	19/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	60	
41	Nguyễn Trường Kha		2/8/1961	Bác sĩ CK I	Giải phẫu bệnh	0001479/DT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa hoặc chuyên khoa giải phẫu bệnh	60	
42	Trịnh Đăng Khoa		19/12/1982	Bác sĩ CK II	Ngoại Tiết niệu	1496/DT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa hoặc chuyên khoa Ngoại Tiết niệu	60	
43	Trần Tấn Khoa		13/3/1967	Bác sĩ CK II	Ung thư	1524/DT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư	60	
44	Võ Anh Kiệt		7/3/1977	Bác sĩ CK II	Mũi Họng	3085/DT-CCHN	17/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	60	
45	Lê Tùng Lâm		13/9/1964	Bác sĩ CK I	Chẩn đoán Hình ảnh	563/QĐ-SYT	14/08/2015	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh (bổ sung)	48	
46	Phạm Thị Hồng Liên		5/9/1978	Bác sĩ CK I	Huyết học và Truyền máu	005206/DT-CCHN	24/11/2016	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa huyết học	36	
47	Nguyễn Thùy Linh		8/7/1982	Bác sĩ CK I	Giấy mê Hồi sức	0636/DT-CCHN	10/12/2012	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa; Chuyên khoa Giấy mê Hồi sức	84	
48	Trần Quốc Lợi		9/6/1984	Bác sĩ CK I	Nhi	0001528/DT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức Nhi	60	
49	Trần Thành Long		24/6/1960	Bác sĩ CK I	Mắt	000099/DT-CCHN	10/05/2012	Mắt	84	

ST T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (tháng)	Ghi chú
		Nam	Nữ							
50	Dương Văn Lưỡng	1/2/1988		Bác sĩ CK I	Bác sĩ chuyên khoa I	0004070/ĐT-CCHN	27/03/2015	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	48	
51	Đồng Minh Lý	10/11/1978		Bác sĩ CK I	Ngoại niệu	000127/ĐT-CCHN	19/06/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	84	
52	Nguyễn Thị Huỳnh Mai		31/7/1979	Bác sĩ CK I	Lão khoa	0004533/ĐT-CCHN	08/01/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lão khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	36	
53	Lê Hùng Minh	11/6/1961		Bác sĩ CK I	Y tế Công cộng	0001482/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Thăm dò Chức năng	60	
54	Bùi Li Mông	1/1/1977		Thạc sĩ Bác sĩ	Nhi	1069/ĐT-CCHN	19/11/2013	Khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa hoặc Hồi sức Nhi	72	
55	Ngô Thị Kiều Nga		3/4/1965	Bác sĩ CK I	Nhi	0001547/ĐT-CCHN	17/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh bằng dinh dưỡng tiết chế	60	
56	Lê Trung Nghĩa	27/7/1983		Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	0002725/ĐT-CCHN	13/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Chấn thương chỉnh hình	60	
57	Đặng Phúc Nguyên	1986		Bác sĩ CK I	Ngoại khoa	1569/ĐT-CCHN	19/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	60	
58	Nguyễn Thị Ánh Nguyễn		12/12/1980	Bác sĩ CK I	Hồi sức cấp cứu	1575/ĐT-CCHN	19/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	60	
59	Huỳnh Thị Nguyệt		30/3/1965	Bác sĩ CK II	Lao	000255/ĐT-CCHN	11/07/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp	84	
60	Nguyễn Thụy Nhân	12/12/1969		Bác sĩ CK I	Giải phẫu bệnh	000361/ĐT-CCHN	09/08/2012	Khám bệnh, chữa bệnh nội tổng hợp + Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa giải phẫu bệnh	84	
61	Huỳnh Thánh Phương Nhài	24/5/1980		Bác sĩ CK I	Chấn thương chỉnh hình	000117/ĐT-CCHN	28/05/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	84	
62	Nguyễn Thị Hồng Nương		10/11/1973	Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện	Quản lý Bệnh viện	0003200/ĐT-CCHN	25/08/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	60	
63	Nguyễn Thị Hoàng Oanh		16/6/1968	Bác sĩ CK I	Nội khoa	1574/ĐT-CCHN	19/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	60	
64	Lê Thị Tố Oanh		1981	Bác sĩ CK I	Thần kinh	1551/ĐT-CCHN	17/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Thần kinh	60	
65	Trần Thanh Phong	1/8/1972		Bác sĩ CK I	Gây mê Hồi sức	0001498/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê Hồi sức hoặc khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	60	

11

ST T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (tháng)	Ghi chú
		Nam	Nữ							
66	Huỳnh Hồng Phúc	2/9/1964		Bác sĩ CK II	Nhi	1483/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức	60	
67	Nguyễn Thanh Phức	17/10/1981		Bác sĩ CK I	Chấn thương CH	1576/ĐT-CCHN	19/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	60	
68	Phạm Thị Kim Phụng	6/2/1977		Thạc sĩ Bác sĩ	Răng hàm mặt	000467/ĐT-CCHN	14/08/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phẫu thuật tạo hình	48	
69	Mai Thị Hồng Phước	8/12/1966		Bác sĩ CK I	Nội khoa	1753/ĐT-CCHN	14/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa VL-TL-PHCN	60	
70	Châu Thị Phương	1978		Bác sĩ CK I	Nội tiết	1493/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	60	
71	Nguyễn Thị Minh Phương	10/12/1974		sĩ Quản lý Bệnh	Quản lý Bệnh viện	1448/ĐT-CCHN	13/02/2014	Có kỹ năng chăm sóc người bệnh, thực hiện các kỹ thuật Nữ hộ sinh	60	
72	Phạm Thị Hồng Phương	10/6/1980		Bác sĩ CK I	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	0003343/ĐT-CCHN	26/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	60	
73	Đào Tuấn Sang	3/3/1987		Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	0004189/ĐT-CCHN	09/06/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	48	
74	Nguyễn Trường Sơn	15/7/1976		Bác sĩ CK II	Hồi sức cấp cứu	000468/ĐT-CCHN	29/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu	84	
75	Đỗ Văn Tài	3/11/1974		Bác sĩ CK II	Thần kinh	1490/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	60	
76	Bùi Thị Tám	1975		CK I Y tế công cộng	Y tế Công cộng	0001358/ĐT-CCHN	12/02/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	60	
77	Tương Bá Tăng	25/10/1977		Thạc sĩ Vi sinh	Vi Sinh	004826/ĐT-CCHN	08/06/2016	Kỹ thuật viên xét nghiệm (đại học)	36	
78	Dương Hoàng Thái	15/5/1983		Bác sĩ CK I	Nội khoa	0001489/ĐT-CCHN	27/12/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	24	
79	Lê Thị Bé Thái	16/2/1987		Bác sĩ CK I	Sân phụ khoa	0002565/ĐT-CCHN	05/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	60	
80	Lê Ngọc Thắm	13/12/1980		Bác sĩ CK I	Nhiễm	3995/ĐT-CCHN	11/02/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa hoặc chuyên khoa Nhiễm	48	
81	Võ Đức Thắng	22/12/1983		Bác sĩ CK I	Nhi khoa	1495/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức Nhi	60	
82	Lý Văn Thành	1/9/1966		Bác sĩ CK I	Tai Mũi Họng	0001549/ĐT-CCHN	17/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	60	

ST T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (tháng)	Ghi chú
		Nam	Nữ							
83	Bùi Ngọc Thành	17/6/1964		Bác sĩ CK II	Quản lý y tế	1494/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức Cấp cứu	60	
84	Nguyễn Thị Mai Thảo		10/9/1975	Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện	Quản lý Bệnh viện	0003147/ĐT-CCHN	17/07/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyển môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	60	
85	Nguyễn Thị Thảo		4/3/1968	Bác sĩ CK I	Nội tiết	1544/ĐT-CCHN	17/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết	60	
86	Hùng Mai Thi		24/10/1979	Bác sĩ CK I	Phụ sản	000239/ĐT-CCHN	28/06/2012	Sản phụ khoa - kế hoạch hóa gia đình	84	
87	Nguyễn Thị Kim Thoa		26/8/1984	Bác sĩ CK I	Bác sĩ Nhi khoa	1567/ĐT-CCHN	19/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	60	
88	Phạm Thới Thuận	14/1/1976		Bác sĩ CK I	Chẩn đoán Hình ảnh	1414/ĐT-CCHN	13/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa; và thực hiện chuyển khoa Siêu âm	60	
89	Đoàn Thị Thu Thủy		16/8/1964	Bác sĩ CK I	Nhi	343/ĐT-CCHN	09/08/2012	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	84	
90	Đào Thị Thanh Thủy		17/3/1966	Bác sĩ CK II	Sản phụ khoa	1492/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	60	
91	Huỳnh Thị Thanh Thủy		1967	Bác sĩ CK II	Thần kinh	0003839/ĐT-CCHN	19/11/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội thần kinh	60	
92	Nguyễn Ngọc Tính	1986		Bác sĩ CK I	Chấn thương chỉnh hình	1565/ĐT-CCHN	19/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	60	
93	Nguyễn Văn Tới	1982		Bác sĩ CK I	Thần kinh	1413/ĐT-CCHN	13/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	60	
94	Trần Thành Trí	1978		Bác sĩ CK II	Nhãn khoa	000112/ĐT-CCHN	28/05/2012	Khám mắt	84	
95	Nguyễn Thị Tố Trinh		4/11/1983	Bác sĩ CK I	Tai Mũi Họng	1477/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	60	
96	Võ Thị Phương Trinh		19/8/1976	Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện	Quản lý Bệnh viện	0001424/ĐT-CCHN	13/02/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyển môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	60	
97	Đỗ Văn Trong	15/1/1965		Bác sĩ CK I	Y tế Công cộng	1621/ĐT-CCHN	24/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	60	
98	Nguyễn Thanh Tú	3/6/1974		Thạc sĩ Bác sĩ	Nội khoa	000451/ĐT-CCHN	29/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	84	

ST T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (tháng)	Ghi chú
		Nam	Nữ							
99	Trương Thanh Tuấn	25/4/1980		Bác sĩ CK II	Gây mê Hô hấp	0001518/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa gây mê Hô hấp hoặc Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	60	
100	Trương Anh Tuấn	10/10/1981		Bác sĩ CK I	Hóa sinh Y học	1509/ĐT-CCHN	14/02/2014	Chuyên khoa Xét nghiệm (Hóa sinh)	60	
101	Lê Minh Tuấn	01/10/1985		Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện	Quản lý Bệnh viện				12	Từ ngày TN Thạc sĩ
102	Lê Thanh Tùng	19/12/1972		Bác sĩ CK II	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	1481/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhiễm	60	
103	Nguyễn Thanh Tùng	18/11/1964		Bác sĩ CK I	Ngoại TQ	000317/ĐT-CCHN	27/07/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại + Siêu âm hỗ trợ chẩn đoán	84	
104	Nguyễn Thị Tươi	1985		Bác sĩ CK I	Sản	3555/ĐT-CCHN	29/09/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản - KHHGD	60	
105	Nguyễn Thị Tâm Tuyền	28/11/1972		Bác sĩ CK I	Chẩn đoán Hình ảnh	1545/ĐT-CCHN	17/02/2014	Chuyên khoa Chẩn đoán Hình ảnh	60	
106	Trần Thị Thanh Tuyền	18/5/1977		sĩ Quản lý Bệnh Quản lý Bệnh viện		005122/ĐT-CCHN	11/10/2016	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y.	36	
107	Trần Thị Thảo Uyên	19/6/1980		Thạc sĩ Bác sĩ	Sản	1497/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	60	
108	Nguyễn Cẩm Vân	25/4/1981		Bác sĩ CK I	Nội khoa	000116/ĐT-CCHN	28/05/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp	84	
109	Nguyễn Văn Vệ	16/10/1966		Bác sĩ CK II	Chẩn thương chỉnh hình	00448/ĐT-CCHN	29/11/2013	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	72	
110	Lê Thái Tường Vi	10/12/1981		Bác sĩ CK I	Răng hàm mặt	000635/ĐT-CCHN	10/12/2012	Khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt	84	
111	Nguyễn Hoàng Việt	25/8/1966		Bác sĩ CK II	Hồi sức cấp cứu	3243/ĐT-CCHN	25/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội hoặc chuyên khoa Hồi sức Cấp cứu	60	
112	Ngô Bình Vũ	1/10/1968		Bác sĩ CK I	Tai Mũi Họng	00125/ĐT-CCHN	19/06/2012	Khám bệnh, chữa bệnh, chuyên khoa tai mũi họng	84	
113	Ngô Thanh Xuân	23/3/1964		Bác sĩ CK II	Ung thư	1548/ĐT-CCHN	17/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư hoặc chuyên khoa Ngoại	60	
114	Hồ Thị Như Ý	15/2/1972		Bác sĩ CK I	Nội tiết	0001486/ĐT-CCHN	14/02/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tiết hoặc chuyên khoa nội tiết	60	

ST T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (tháng)	Ghi chú
		Nam	Nữ							
115	Lý Thái Minh	29/3/1974		Bác sĩ CK I	Bác sĩ CKI	1088/QĐ-SYT	14/11/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	12	
116	Hồ Hữu Nhơn.	19/4/1962		Bác sĩ CK II	Bác sĩ CKII Tai Mũi Họng	000124/ĐT-CCHN	19/06/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tai mũi họng	84	
117	Nguyễn Văn Hai	26/6/1961		Tiến sĩ Bác sĩ	Tiến sĩ Y học	000126/ĐT-CCHN	19/06/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	84	
118	Trần Văn Hồng	25/12/1966		Bác sĩ CK I	Gây mê Hồi sức	000088/BTR-CCHN	11/07/2012	Được điều chỉnh "Chuyên khoa Gây mê - Hồi sức" theo QĐ số 435/QĐ-SYT ngày 13/6/2016 của SYT Bến Tre	84	
119	Dương Khắc Độ	27/2/1969		Bác sĩ CK I	CKI Ngoại Tổng quát	1254/ĐT-CCHN	06/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	60	
120	Bùi Minh Luân	1/1/1985		Bác sĩ CK I	Ngoại - Tiết niệu	000071/ĐT-CCHN	26/04/2011	Ngoại tổng quát	96	
121	Thị Mỹ Yến		19/4/1987	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	1632/CT-CCHN	03/09/2014	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	60	

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH CÁC KHOA THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản Công bố số 210/BVĐT-TCCB ngày 04/12/2018 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp)

STT	Khoa, phòng	Số lượng người giảng dạy thực hành	Số giường kế hoạch	Số giường thực kê
1	Khoa CCTH		20	20
2	Khoa HSTC-CĐ		40	50
3	Khoa HS Nhi-SS		30	43
4	Khoa Nhi		150	176
5	Khoa Nội A		20	30
6	Khoa Nội TH		55	120
7	Nội HH-CXK		30	
8	Khoa Thần kinh		60	76
9	Khoa Nội TM		55	56
10	Khoa Nội tiết		35	45
11	Khoa ĐTYC		85	154
12	Khoa YHCT		15	25
13	Khoa Ngoại TH		50	70
14	Ung bướu		20	
15	Khoa Ngoại Thận-TN		25	40
16	Khoa Ngoại TK-CTCH		60	70
17	Khoa Phụ sản		120	177
18	Khoa PT-GMHS		15	18
19	Khoa truyền nhiễm		75	95
20	Khoa Mắt		20	35
21	Khoa TMH		10	23
22	Khoa RHM		10	16
	Tổng cộng:		1000	1339

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Kèm theo Bản Công bố số 1010/BVĐT-TCCB ngày 04/12/2018 của Bệnh viện Đa khoa Đồng

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	Khoa HSTC - CĐ		
1	Bộ đặt NKQ khó người lớn	1	
2	Bơm tiêm điện	19	
3	Hệ thống R/O	3	
4	Máy đo điện	1	
5	Máy đo nồng độ oxy trong máu	5	
6	Máy hút điện	2	
7	Máy li tâm		
8	Máy lọc máu liên tục	1	
9	Máy lọc thận	36	
10	Máy phá rung tim	1	
11	Máy thở	7	
12	Máy truyền dịch	15	
13	Monitor BN	14	
14	Tủ mát	2	
	Khoa Cấp cứu Tổng hợp		
15	Bộ đặt NKQ khó người lớn	1	
16	Bơm tiêm điện	8	
17	Cân sàn điện tử	1	
18	Đèn tiểu phẫu	1	
19	Giường cấp cứu đa năng	1	
20	Hệ thống oxy lỏng	1	
21	Máy cắt bột bó	1	
22	Máy đo điện tim	2	
23	Máy đo nồng độ oxy trong máu	2	
24	Máy hút điện	4	
25	Máy phá rung tim	1	
26	Máy siêu âm trắng đen	1	
27	Máy thở	1	
28	Monitor BN	2	
29	Truyền dịch tự động	2	
30	Va li cấp cứu	2	
	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh		
31	Bơm tiêm điện	1	
32	Hệ thống cộng hưởng từ	1	
33	Máy CT-Scanner xoắn ốc, đa dãy đầu dò	1	
34	Máy đọc số hóa laser	1	
35	Máy hút âm	1	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
36	Máy in Sony	3	
37	Máy in phim khô	3	
38	Máy siêu âm màu	6	
39	Máy siêu âm trắng đen	4	
40	Máy X quang cố định	9	
	Khoa Điều trị theo yêu cầu		
41	Bơm tiêm điện	4	
42	Máy đo điện tim	2	
43	Máy đo nồng độ oxy trong máu	2	
44	Máy hút điện	2	
45	Truyền dịch tự động	2	
	Khoa Giải Phẫu Bệnh		
46	Kính hiển vi 2 mắt	1	
47	Kính hiển vi chụp ảnh vi tính	1	
48	Máy li tâm	1	
49	Máy nhuộm mẫu thẳng	1	
50	Máy xử lý mô	1	
51	Nồi cách thủy	1	
52	Tủ lưu giữ tử thi	1	
	Khoa HH & TM		
53	Bàn ép túi máu	1	
54	Hệ thống Elisa	1	
55	Kính hiển vi	2	
56	Máy hàn dây túi máu	1	
57	Máy lắc và lưu trữ tiểu cầu	1	
58	Máy lắc máu	1	
59	Máy li tâm	7	
60	Máy pha loãng máu	1	
61	Máy rã đông huyết tương	1	
62	Nồi cách thủy	1	
63	Tủ bảo quản máu	1	
64	Tủ Lạnh -40 độ C	1	
65	Tủ sấy	1	
66	Tủ trữ sinh phẩm	1	
	Khoa Hóa Sinh		
67	Máy li tâm	2	
68	Nồi hấp tiệt trùng	1	
	Khoa HS Nhi		
69	Bơm tiêm điện	10	
70	Đèn điều trị vàng da	10	
71	Đèn soi tĩnh mạch	1	
72	Hệ thống oxy trung tâm	1	
73	Máy ghi điện tim	1	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
74	Máy li tâm	1	
75	Máy N-Cpap	11	
76	Máy thở	4	
77	Monitor BN	8	
78	Truyền dịch tự động	13	
	Khoa Khám Bệnh		
79	Đèn tiêu phẫu	1	
80	Hệ thống bắt số tự động	2	
81	Máy điện tim 12 kênh vi tính	1	
	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn		
82	Lò đốt chất thải rắn y tế 50 kg	1	
83	Lò hấp tiệt trùng	2	
84	Hệ thống xử lý chất thải lỏng	1	
85	Máy đọc chỉ thị sinh học dùng trong máy hấp ư	1	
86	Máy ép túi (bọc) liên tục	1	
87	Máy giặt công nghiệp 120 kg	2	
88	Máy hấp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp công nghệ Plas	1	
89	Máy khử khuẩn rác thải bằng sóng cao tần	2	
90	Máy là hơi chuyên dụng	1	
91	Máy lọc nước bán công nghiệp RO	2	
92	Máy nén khí không dầu	1	
93	Máy nghiền cắt rác	1	
94	Máy rửa ống nội soi	1	
95	Máy rửa dụng cụ đa năng	1	
96	Máy sấy khô	2	
97	Máy vắt	2	
98	Tủ sấy	3	
99	tủ sấy dụng cụ y tế	1	
100	Tủ sấy tiệt trùng	1	
101	Xe đẩy và dụng cụ vận chuyển rác chuyên dùng	1	
102	Xe đẩy rác trước và sau xử lý vi sóng	3	
	Khoa Mắt		
103	Đèn khe	2	
104	Hệ thống phẫu thuật Phaco	1	
105	Kính hiển vi SCAN OPTICS	1	
106	Lò hấp tiệt trùng	2	
107	Máy đo thị trường tự động	1	
108	Máy đo khúc xạ	1	
109	Máy đo nồng độ oxy trong máu	1	
110	Máy ghi điện tim	1	
111	Máy laser	1	
112	Máy pha co	1	
113	Máy siêu âm mắt	1	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	Khoa Ngoại TH		
114	Máy đo điện	1	
115	Máy ghi điện tim kỹ thuật số 3 kênh	1	
	Khoa Nhi		
116	Bơm tiêm điện	12	
117	Đèn điều trị vàng da	6	
118	Đèn soi tĩnh mạch	1	
119	Máy đo nồng độ oxy trong máu	1	
120	Truyền dịch tự động	4	
	Khoa Nội A		
121	Máy đo điện tim	1	
	Khoa Nội TH		
122	Bơm tiêm điện	9	
123	Máy điện tim	1	
124	Máy đo điện tim	1	
125	Máy hút điện	1	
126	Máy phá rung tim	1	
127	Máy truyền dịch tự động	6	
	Khoa Nội tiết		
128	Bơm tiêm điện	2	
129	Máy đo điện	1	
130	Máy đo nồng độ oxy trong máu	1	
131	Truyền dịch tự động	2	
	Khoa Nội TK		
132	Bơm tiêm điện	4	
133	Hệ thống khí y tế	2	
134	Máy đo điện tim	1	
135	Máy đo nồng độ oxy trong máu	2	
136	Máy ghi điện tim kỹ thuật số 3 kênh	1	
137	Máy thở	2	
138	Monitor	2	
139	Truyền dịch tự động	2	
140	Máy thở	2	
	Khoa Nội TM		
141	Bơm tiêm điện	2	
142	Máy điện tim	1	
143	Máy điện tim gắng sức	1	
144	Máy đo nồng độ	1	
145	Máy phá rung tim	1	
146	Máy tạo nhịp tim tạm thời	2	
147	Truyền dịch tự động	1	
	Khoa Phụ Sản		
148	Bơm tiêm điện	2	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
149	Đèn tiểu phẫu	2	
150	Máy đo điện	1	
151	Máy đo SPO2	1	
152	Máy doppler nghe tim thai	1	
153	Máy hút thai	1	
154	Máy monitor sản	11	
155	Máy siêu âm màu chuyên sản 4 chiều thế hệ mới	1	
156	Máy siêu âm trắng đen	1	
157	Máy soi ngoài cổ tử cung	1	
158	Monitor 5 thông số	1	
159	Monitor sản	1	
160	Truyền dịch tự động	2	
161	Tủ âm 37 độ	1	
	Khoa PT - GMHS		
162	Bàn mổ	6	
163	Bộ đặt NKQ người lớn, ánh sáng LED	1	
164	Bộ nội soi mật tụy	1	
165	Bơm CO2	1	
166	Bơm tiêm điện	8	
167	Đèn đặt nội khí quản trẻ em và người lớn Fibre-O	4	
168	Đèn khám bệnh có lăng kính	1	
169	Đèn mổ di động	4	
170	Đèn mổ treo trần	4	
171	Đèn soi tai		
172	Dụng cụ PT nội soi	1	
173	Hệ thống nội soi ổ bụng	4	
174	Khoan sọ não chấn thương	1	
175	Màn hình chuyên dùng cho hệ thống nội soi	2	
176	Máy cắt đốt	8	
177	Máy cắt đốt bằng sóng siêu âm kết hợp lưỡng cực	1	
178	Máy cắt đốt bằng sóng siêu âm kết hợp lưỡng cực	1	
179	Máy đo điện	1	
180	Máy đo nồng độ oxy trong máu	1	
181	Máy gây mê	8	
182	Máy hút điện	1	
183	Máy hút trung tâm	1	
184	Máy khoan xương cầm tay	3	
185	Máy kích thích thần kinh	1	
186	Máy làm ấm máu, dịch truyền	2	
187	Máy nội soi TMH	1	
188	Máy phá rung tim	1	
189	Máy sưởi ấm bệnh nhân	2	
190	Máy tán sỏi bằng hơi	1	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
191	Máy tán sỏi bằng siêu âm	1	
192	Máy tán sỏi nội soi bằng Lazer	1	
193	Máy tháo lồng ruột trẻ em	2	
194	Máy thở	2	
195	Máy X quang C-Arm	2	
196	Monitor BN	11	
197	Nồi hấp tiệt trùng	1	
198	Ống nội soi niệu 12 độ	1	
199	Ống soi quang học Hopkins II (1230AA)	3	
200	Ống soi quang học Hopkins II (7230AA)	1	
201	Ống soi bàng quang	1	
202	Soi khí quản ống cứng	1	
203	Tay khoan vi phẫu dòng Micro-line quay 2 chiều	1	
204	Truyền dịch tự động	2	
205	Tủ sấy	1	
	Khoa Răng Hàm Mặt		
206	Đèn cực tím	2	
207	Đèn mổ di động	1	
208	Đèn tẩy trắng răng	1	
209	Ghế, máy nha khoa	5	
210	Máy cưa khoan xương điện	1	
211	Máy hút điện	3	
212	Máy nén khí sử dụng cho 4 ghế	1	
213	Máy thổi cát	1	
	Khoa Tai Mũi Họng		
214	Buồng cách âm	1	
215	Camera nội soi TMH	1	
216	Đèn clar khám TMH	1	
217	Máy đo nhĩ lượng	1	
218	Máy đo nồng độ oxy trong máu	1	
219	Máy đo thính lực	1	
220	Máy nội soi TMH	1	
221	Ống nội soi thanh quản	1	
222	Ống nội soi xoang	1	
223	Ống soi quang học Hopkins II (1230AA)	1	
	Khoa Thăm Dò Chức Năng		
224	Đầu ghi máy holter ECG	2	
225	Hệ thống máy nội soi Olympus	2	
226	Máy điện cơ vi tính	1	
227	Máy điện não đồ	1	
228	Máy đo chức năng hô hấp	1	
229	Máy đo điện	1	
230	Máy đo điện não Neurotravel Light S	1	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
231	Máy đo lưu huyết não		
232	Máy đo SPO2	1	
233	Máy ghi điện cơ 4 kênh	1	
234	Máy holter điện tim	1	
235	Máy nội soi dạ dày tá tràng	1	
236	Ống nội soi dạ dày video	1	
237	Ống soi phế quản thể hệ Video	1	
238	Ống soi dạ dày thể hệ Video	2	
239	Ống soi đại tràng thể hệ Video	1	
	Khoa Truyền nhiễm		
240	Bơm tiêm điện	7	
241	Đèn tiểu phẫu	1	
242	Máy đo điện tim	1	
243	Máy đo nồng độ oxy trong máu	2	
244	Máy ghi điện tim	1	
245	Máy hút điện	1	
246	Máy li tâm	1	
247	Máy truyền dịch	2	
248	Truyền dịch tự động	5	
	Khoa Vi Sinh		
249	Kính hiển vi	2	
250	Lò hấp tiệt trùng	1	
251	Máy ảnh điện tử	1	
252	Máy đếm khuẩn lạc	1	
253	Máy định danh vi khuẩn	1	
254	Máy khuấy từ gia nhiệt	1	
255	Máy li tâm	1	
256	Máy phân tích miễn dịch	1	
257	Nồi cách thủy	1	
258	Nồi hấp tiệt trùng	1	
259	Tủ âm	4	
260	Tủ an toàn sinh học cấp 2	1	
261	Tủ lạnh sâu	1	
	Khoa VLTL - PHCN		
262	Hệ thống kéo giãn cột sống Triton	1	
263	Máy điện trị liệu	2	
264	Máy điện trường cao áp	1	
265	Máy điều trị điện trung tần	1	
266	Máy điều trị sóng ngắn	3	
267	Máy kích thích điện	2	
268	Máy laser trị liệu công suất cao 7w	1	
269	Máy siêu âm điều trị 1 & 3 MHZ	2	
270	Máy siêu âm điều trị 2 đầu phát	1	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
271	Máy trị liệu sóng ngắn xung và liên tục	2	
272	Thiết bị tập khớp gối, chi dưới	1	
273	Thiết bị tập phục hồi chức năng khớp vai, chi trên	1	
274	Thùng nấu sáp (paraffin) điều trị giảm đau	1	
	Khoa YHCT		
275	Máy đo điện tim	1	
276	Máy laser nội mạch	1	
	Ngoại thận - Tiết niệu		
277	Máy đo điện tim	1	
	Phòng Điều Dưỡng		
278	Mô hình bán thực tập	1	
279	Mô hình đặt NKQ	1	
	Phòng HCQT		
280	Giếng khoan + hệ thống lọc nước 30m3/giờ	1	
281	Máy phát điện Vietgen	1	
282	Xe băng ca chuyển bệnh nội viện	2	
	Thẩm mỹ		
283	Đèn tiêu phẫu	1	
284	Lò hấp tiệt trùng	1	
285	Máy hút điện	1	
286	Máy laser CO2 vi điểm trong điều trị thẩm mỹ	1	
	Vô sinh		
287	Buồng đếm tráng bạc	1	
288	Kính hiển vi	1	
289	Máy lắc máu	1	
290	Máy li tâm	1	
291	Tủ lọc rửa tinh trùng	1	
292	Tủ ủ CO2	1	